



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 12/2025

 **CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ**

Website: [/dsdc.com.vn/](http://dsdc.com.vn/) & [/tntplaw.vn/](http://tntplaw.vn/)

Liên hệ: (+84) 93 179 8818

NHỮNG MỤC TIN CHÍNH

Quy định mới về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

- Khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp
- Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp
- Trách nhiệm đăng ký, kê khai, lưu trữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại từ ngày 01/7/2025

- Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại
- Chương trình khuyến mại tập trung áp dụng hạn mức tối đa 100% giá trị của hàng hóa, dịch vụ
- Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

- Nội dung vụ án
- Một số nhận định của Tòa án liên quan đến vụ việc
- Bình luận án lệ

Quy định mới về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Các chế định về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp đã chính thức được đưa vào hệ thống pháp luật doanh nghiệp Việt Nam thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 và Nghị định 168/2025/NĐ-CP về đăng ký doanh nghiệp. Điều này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường minh bạch hóa cấu trúc sở hữu tại Việt Nam và thực hiện cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Việt Nam. Thông qua bài viết dưới đây, TNTP sẽ trình bày những quy định mới về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo pháp luật hiện hành.

1. Khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Nhằm minh bạch thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính thế giới (FATF), khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp ("**CSHHL**") đã được chính thức ghi nhận và đưa vào hệ thống pháp luật doanh nghiệp Việt Nam thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, chính thức có hiệu lực ngày 01/7/2025 ("**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp**").

Căn cứ khoản 35 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 được sửa đổi bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân được xác định là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Như vậy, khác với người đại diện theo pháp luật – là người đại diện đứng tên các giấy tờ pháp lý và các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, CSHHL sẽ được xác định trên cơ sở quyền kiểm soát thực tế hoặc sở hữu vốn điều lệ, có quyền chi phối đối với doanh nghiệp mà không phụ thuộc vào việc trên thực tế có hay không có đứng tên trên giấy tờ pháp lý của doanh nghiệp.

Trước đây, nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam hoạt động theo hình thức "núp bóng" hoặc "đứng tên giùm", tạo ra một cấu trúc sở hữu phức tạp và thiếu minh bạch. Lớp vỏ pháp lý này đã che giấu danh tính thực sự của cá nhân có quyền lực chi phối doanh nghiệp, gây khó khăn cho việc truy vết nguồn vốn, đặc biệt trong các hoạt động bất hợp pháp. Thực tiễn cho thấy doanh nghiệp thường bị lạm dụng để che giấu danh tính tội phạm, tính bất hợp pháp của dòng tiền, thậm chí là phục vụ cho hoạt động chuyển tiền phi pháp giữa các quốc gia. Vì vậy, để đảm bảo tính minh bạch và an ninh trong khu vực kinh tế tư nhân, việc công khai CSHHL không chỉ là yêu cầu pháp lý trong nước mà còn là một cam kết quốc tế của Việt Nam về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Việc luật hóa khái niệm này đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của Việt Nam trong việc minh bạch hóa cấu trúc sở hữu doanh nghiệp, đảm bảo tính cam kết và trách nhiệm giải trình trong các giao dịch kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời, góp phần vào việc phòng chống tội phạm về rửa tiền và tài trợ khủng bố trên phạm vi quốc tế.

Quy định mới về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

2. Tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Nghị định 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp ("**Nghị định 168**") đã đặt ra các tiêu chí để xác định CSHHL của doanh nghiệp. Theo Điều 17 Nghị định 168, CSHHL của doanh nghiệp là cá nhân đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

Cá nhân sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu gián tiếp từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp.

Trong đó, cá nhân sở hữu gián tiếp là cá nhân sở hữu từ 25% vốn điều lệ hoặc 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của doanh nghiệp thông qua tổ chức khác.

Cá nhân có quyền chi phối việc thông qua ít nhất một trong các vấn đề sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên; người đại diện theo pháp luật, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp;
- Sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

Có thể thấy, các tiêu chí này được xây dựng dựa trên hai nguyên tắc cơ bản là tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ và quyền chi phối doanh nghiệp. Việc quy định hai tiêu chí song song giúp bao quát được nhiều tình huống thực tế khác nhau trong cấu trúc sở hữu và quản lý doanh nghiệp.



Quy định mới về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

3. Trách nhiệm đăng ký, kê khai, lưu trữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Trách nhiệm đăng ký, kê khai, lưu trữ thông tin về CSHHL của doanh nghiệp được quy định cụ thể như sau:

Về việc đăng ký danh sách CSHHL của doanh nghiệp:

- Theo khoản 6, 7, 9, 10, 11 Luật Doanh nghiệp 2020 được sửa đổi bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp danh sách CSHHL của doanh nghiệp (nếu có).
- Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp bao gồm các nội dung chủ yếu như Họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; dân tộc; giới tính; địa chỉ liên lạc; tỷ lệ sở hữu hoặc quyền chi phối; thông tin về giấy tờ pháp lý của cá nhân chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.



Quy định mới về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp

Trách nhiệm kê khai, thông báo CSHHL:

Theo Điều 18 Nghị định 168, Người thành lập doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, bao gồm:

- Cá nhân là cổ đông sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;
- Cá nhân là thành viên sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- Cá nhân là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên;

Đối với các cá nhân có quyền kiểm soát và chỉ phối doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định 168, người thành lập, doanh nghiệp có trách nhiệm tự xác định và kê khai, thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh (nếu có).

Về trách nhiệm lưu trữ thông tin CSHHL:

Điều 19 Nghị định 168 yêu cầu Doanh nghiệp phải lưu giữ danh sách CSHHL của doanh nghiệp đã kê khai, thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

Về trách nhiệm thông báo khi có thay đổi thông tin CSHHL:

Khoản 13 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 và Điều 52 Nghị định 168 quy định doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục thông báo thay đổi khi có sự thay đổi thông tin về CSHHL trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi thông tin về CSHHL hoặc tỷ lệ sở hữu đã kê khai với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Bên cạnh đó, cụ thể tại khoản 2 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025, doanh nghiệp phải cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp khi được yêu cầu. Do đó, doanh nghiệp phải sẵn sàng cung cấp thông tin chủ sở hữu hưởng lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong các hoạt động kiểm tra, thanh tra, điều tra hoặc khi có yêu cầu phục vụ các mục đích phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Việc bổ sung và hoàn thiện các quy định về chủ sở hữu hưởng lợi đánh dấu bước tiến quan trọng trong nỗ lực minh bạch hóa cấu trúc sở hữu doanh nghiệp tại Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Doanh nghiệp cần nắm bắt và thực hiện đúng các nghĩa vụ kê khai, lưu trữ và cập nhật thông tin để bảo đảm tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại từ ngày 01/7/2025

Từ ngày 01/7/2025, Thông tư 39/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương chính thức có hiệu lực, áp dụng thống nhất các quy định mới về hạn mức tối đa giá trị và mức giảm giá hàng hóa, dịch vụ khuyến mại trên toàn quốc. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm thiết lập khuôn khổ đối với các thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong việc triển khai hoạt động xúc tiến thương mại. Theo đó, trong bài viết này, TNTP gửi tới Quý độc giả những nội dung liên quan đến hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ được phép khuyến mại áp dụng từ ngày 01/7/2025.

1. Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại

Theo khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư 39/2025/TT-BCT quy định hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại mà thương nhân được thực hiện trong hoạt động khuyến mại ("**Thông tư 39**"), hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại như sau:

Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá bán ngay trước thời gian khuyến mại của đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đó, trừ các trường hợp khuyến mại bằng các hình thức sau:

- Tổ chức cho khách hàng tham gia các chương trình văn hóa, nghệ thuật, giải trí và các sự kiện khác vì mục đích khuyến mại.
- Các hình thức khuyến mại khác nếu được cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chấp thuận.
- Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền.
- Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương).
- Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi).
- Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác.

Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại từ ngày 01/7/2025

Tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng hình thức:

- Tổ chức cho khách hàng tham gia các chương trình văn hóa, nghệ thuật, giải trí và các sự kiện khác vì mục đích khuyến mại.
- Các hình thức khuyến mại khác nếu được cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chấp thuận.
- Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền.
- Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Như vậy, phần lớn hoạt động khuyến mại bị giới hạn hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại ở mức tối đa 50% giá trị hàng hóa, dịch vụ.



Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại từ ngày 01/7/2025

2. Chương trình khuyến mại tập trung áp dụng hạn mức tối đa 100% giá trị của hàng hóa, dịch vụ

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư 39, hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại được nâng lên 100% trong trường hợp thương nhân tổ chức chương trình khuyến mại tập trung. Theo quy định này, các chương trình khuyến mại tập trung được phép áp dụng mức khuyến mại tối đa bằng 100% giá trị hàng hóa, dịch vụ bao gồm hai nhóm chính được quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 39, cụ thể như sau:

Thứ nhất, là các chương trình do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh ban hành quyết định tổ chức thực hiện. Những chương trình này nhằm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế có mục tiêu của quốc gia, của địa phương. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung và mọi thương nhân đều được quyền tham gia vào các chương trình này.

Thứ hai, là các đợt khuyến mại vào các dịp lễ, tết theo quy định của pháp luật lao động, cụ thể:

- Đợt Tết Âm lịch: 30 ngày ngay trước ngày đầu tiên của năm Âm lịch;

- Các ngày nghỉ lễ, tết khác. Thời hạn khuyến mại của từng đợt khuyến mại vào các dịp lễ, tết không được vượt quá thời gian nghỉ của các dịp lễ, tết tương ứng theo quy định của pháp luật lao động.

Đây là các thời điểm mà nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao, do đó việc cho phép mức khuyến mại tối đa 100% sẽ kích thích tiêu dùng và hỗ trợ hoạt động thương mại.



Việc tham gia vào các chương trình khuyến mại tập trung mang lại lợi ích đáng kể cho các thương nhân. Các thương nhân có thể triển khai các chiến lược marketing hiệu quả hơn với mức đầu tư khuyến mại cao hơn. Đồng thời, người tiêu dùng cũng được hưởng lợi từ các chương trình khuyến mại có quy mô lớn và giá trị cao trong những dịp đặc biệt.

Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ để khuyến mại từ ngày 01/7/2025

3. Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại

Khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư 39 quy định về mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại như sau:

Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hóa, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.

Trường hợp tổ chức chương trình khuyến mại tập trung theo khoản 5 Điều 3 nêu trên, mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại có thể lên đến 100%.

Mức giảm giá tối đa 100% cũng áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương quyết định.

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 39, một số loại hàng hóa, dịch vụ khi thực hiện thực hiện khuyến mại giảm giá không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa, bao gồm:

Hàng hóa dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước: Trong tình huống này, các cơ quan quản lý nhà nước có thể yêu cầu các thương nhân thực hiện giảm giá không giới hạn để ổn định thị trường và bảo vệ lợi ích người tiêu dùng trong những thời điểm khó khăn về kinh tế.

Hàng thực phẩm tươi sống: Do tính chất dễ hư hỏng và chu kỳ tiêu thụ ngắn của nhóm hàng hóa này, pháp luật cho phép các thương nhân linh hoạt trong việc áp dụng mức giảm giá để tránh lãng phí và đảm bảo an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh: Trong những tình huống này, doanh nghiệp cần thanh lý hàng tồn kho một cách nhanh chóng. Do đó việc cho phép giảm giá không giới hạn là phù hợp với thực tế kinh doanh, giúp doanh nghiệp thu hồi lại một phần nguồn vốn hiệu quả.

Như vậy, mức giảm giá hàng hóa, dịch vụ khuyến mại tối đa 50%, trừ các trường hợp đặc biệt được phép giảm 100% hoặc không áp dụng hạn mức. Quy định này sẽ nhằm cân bằng lợi ích thương nhân, bảo vệ người tiêu dùng và tránh cạnh tranh không lành mạnh.

Các quy định mới về hạn mức tối đa giá trị và mức giảm giá hàng hóa, dịch vụ khuyến mại từ ngày 01/7/2025 tạo ra khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch hơn cho hoạt động xúc tiến thương mại, đồng thời góp phần bảo đảm cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Việc nắm bắt đúng và đầy đủ các quy định này sẽ giúp thương nhân triển khai chương trình khuyến mại hiệu quả, hợp pháp và tối ưu hóa lợi ích kinh doanh.

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

Án lệ số 09/2016/AL là một án lệ được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam thông qua ngày 17/10/2016 (**"Án lệ 09"**). Án lệ này tập trung vào vấn đề xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi đối với số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại. Án lệ có hiệu lực từ ngày 01/12/2016, nhằm làm rõ cách thức tính lãi suất trong các vụ kiện tranh chấp giao dịch dân sự và thương mại, giúp thống nhất cách áp dụng pháp luật về lãi suất chậm thanh toán giữa các Tòa án.

1. Nội dung vụ án

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2007, đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/10/2007, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đại diện nguyên đơn – Công ty cổ phần thép Việt Ý (sau đây gọi tắt là Công ty thép Việt Ý) thì:

Liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 03/2006-HĐKT:

Ngày 03/10/2006, Công ty thép Việt Ý ký Hợp đồng kinh tế số 03/2006-HĐKT với Công ty cổ phần kim khí Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Công ty kim khí Hưng Yên). Theo Hợp đồng này, Công ty thép Việt Ý (bên A) mua hàng hóa là phôi thép đúc liên tục CTS-5SP/PS hàng rời của Công ty kim khí Hưng Yên (bên B) với số lượng 3.000 tấn +/- 5%, đơn giá 6.750.000 đồng/tấn; thời gian giao hàng từ 25 đến 31/10/2006; tổng giá trị hợp đồng là 20.250.000.000 đồng +/- 5%.

Để thực hiện Hợp đồng, Công ty thép Việt Ý đã chuyển toàn bộ số tiền 20.250.000.000 đồng cho Công ty kim khí Hưng Yên, tuy nhiên, Công ty kim khí Hưng Yên giao thiếu 7,180 tấn tương ứng với số tiền 48.465.000 đồng cho Công ty thép Việt Ý.

Liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 05/2006-HĐKT:

Ngày 20/12/2006, hai bên ký tiếp Hợp đồng số 05/2006-HĐKT. Theo hợp đồng này, Công ty thép Việt Ý mua 5.000 tấn phôi thép (tiêu chuẩn và chất lượng giống như Hợp đồng số 03). Tổng giá trị hợp đồng là 36.450.000.000 đồng +/- 5%; thời gian giao hàng từ ngày 18/01/2007 đến ngày 30/01/2007; Công ty thép Việt Ý sẽ ứng trước 500.000.000 đồng cho Công ty kim khí Hưng Yên ngay sau khi ký hợp đồng; số tiền còn lại sẽ thanh toán theo hai đợt sau khi Công ty thép Việt Ý nhận hàng. Hợp đồng còn quy định nghĩa vụ của Công ty kim khí Hưng Yên phải chịu phạt 2% giá trị hợp đồng nếu không giao hàng đúng chủng loại hoặc không giao hàng. Theo đại diện của Công ty thép Việt Ý thì ngày 21/12/2006, Công ty thép Việt Ý đã chuyển cho Công ty kim khí Hưng Yên 500.000.000 đồng tiền ứng trước, nhưng hợp đồng này Công ty kim khí Hưng Yên không thực hiện mà không có lý do.

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

Liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 06/2006:

Cùng ngày 20/12/2006, Công ty thép Việt Ý cũng đã ký kết Hợp đồng số 06/2006 với Công ty kim khí Hưng Yên để mua của Công ty kim khí Hưng Yên 3.000 tấn phôi thép. Tổng giá trị hợp đồng là 21.600.000.000 đồng; thời gian giao hàng từ ngày 05/01/2007 đến ngày 15/01/2007.

Ngày 22/12/2006, Công ty thép Việt Ý đã chuyển cho Công ty kim khí Hưng Yên đủ 21.600.000.000 đồng, nhưng Công ty kim khí Hưng Yên giao thiếu 7,640 tấn tương đương số tiền là 55.008.000 đồng cho Công ty thép Việt Ý.

Liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 01/2017:

Ngày 01/02/2007, Công ty thép Việt Ý ký kết Hợp đồng số 01/2007 với Công ty kim khí Hưng Yên để mua 5.000 tấn phôi thép của Công ty kim khí Hưng Yên. Tổng giá trị hợp đồng là 39.000.000.000 đồng +/- 5%. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty thép Việt Ý đã chuyển cho Công ty kim khí Hưng Yên 37.710.000.000 đồng và Công ty kim khí Hưng Yên đã chuyển cho Công ty thép Việt Ý 3.906,390 tấn phôi thép, thành tiền là 30.469.842.000 đồng. Số phôi thép Công ty kim khí Hưng Yên chưa trả cho Công ty thép Việt Ý là 928,2538 tấn, tương đương số tiền là 7.240.158.000 đồng.

Công ty thép Việt Ý đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Công ty kim khí Hưng Yên thực hiện hợp đồng nhưng Công ty kim khí Hưng Yên vẫn không thực hiện, buộc Công ty thép Việt Ý phải mua phôi thép của nhà sản xuất khác để đảm bảo cho việc sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Do Công ty kim khí Hưng Yên vi phạm các hợp đồng hai bên đã ký kết nên Công ty thép Việt Ý đã khởi kiện yêu cầu Công ty kim khí Hưng Yên có trách nhiệm thanh toán và bồi thường mọi thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ giao hàng trong các Hợp đồng số 03/2006, 05/2006, 06/2006, 01/2007 tại thời điểm khởi kiện là 12.874.298.683 đồng, trong đó tiền hàng tương ứng với 1,777.020 kg phôi thép = 11.181.662.503 đồng, tiền phạt vi phạm 1.316.490.480 đồng, tiền lãi quá hạn 376.145.700 đồng.

Vụ án đã trải qua 03 lần xét xử sơ thẩm và 03 lần xét xử phúc thẩm.

Ngày 25/7/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có Công văn số 110/2010/CV-TA đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại bản án phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 17/2012/KDTM-KN ngày 25/6/2012, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 63/KDTM-PT ngày 05/4/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội; giao hồ sơ vụ án cho Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

2. Một số nhận định của Tòa án liên quan đến vụ việc

Công ty kim khí Hưng Yên thực hiện không đúng cam kết như trong hợp đồng (giao không đủ hàng cho Công ty thép Việt Ý), nên Công ty thép Việt Ý đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty kim khí Hưng Yên phải hoàn trả số tiền hàng đã nhận (tương đương với số hàng chưa giao), tiền lãi do chậm thanh toán, tiền phạt hợp đồng, tiền bồi thường thiệt hại (do không giao hàng nên Công ty thép Việt Ý đã phải mua của đơn vị khác và phải trả tiền cao hơn so với giá đã thoả thuận với Công ty kim khí Hưng Yên) là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 34, khoản 3 Điều 297, các Điều 300, 301, 302, 306, 307 Luật thương mại năm 2005.

[1] Đối với số tiền ứng trước mà không nhận được hàng của 4 Hợp đồng kinh tế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định chính xác số tiền và buộc Công ty kim khí Hưng Yên phải trả lại cho Công ty thép Việt Ý là đúng. Tuy nhiên, khi tính tiền lãi do chậm thanh toán số tiền nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù áp dụng Điều 306 Luật thương mại năm 2005 nhưng không lấy mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm) để tính, mà lại áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo yêu cầu của nguyên đơn để áp dụng mức lãi suất quá hạn (là 10, 5%/năm) là không đúng. Trong trường hợp này, Tòa án cần lấy mức lãi suất quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng tại địa phương (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam...) để tính lại tiền lãi do chậm thanh toán cho đúng quy định của pháp luật.



Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

Về phạt vi phạm hợp đồng: hai bên thỏa thuận: Bên B phải chịu phạt 2% giá trị đơn hàng đã được xác nhận khi bên B vi phạm một trong các trường hợp sau: giao hàng không đúng chủng loại, không giao hàng. Như vậy, Công ty kim khí Hưng Yên không giao đủ hàng cho Công ty thép Việt Ý thì phải bị phạt vi phạm là 2% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Điều 300 và Điều 301 Luật thương mại năm 2005. **[2]** Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của Công ty thép Việt Ý là có căn cứ tuy nhiên lại tính lãi trên số tiền phạt vi phạm hợp đồng là không đúng.

Về số tiền bồi thường thiệt hại: Theo trình bày của đại diện Công ty thép Việt Ý là do Công ty kim khí Hưng Yên vi phạm hợp đồng không giao đủ hàng, nên Công ty thép Việt Ý phải mua phôi thép của nhà sản xuất khác để đảm bảo cho việc sản xuất và kinh doanh của Công ty với giá cao hơn. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào các Hợp đồng mua bán phôi thép mà Công ty thép Việt Ý ký với nhà sản xuất khác để buộc Công ty kim khí Hưng Yên phải trả cho Công ty thép Việt Ý khoản tiền chênh lệch do phải mua hàng với giá cao hơn, nhưng chưa xem xét làm rõ, việc mua hàng của nhà sản xuất khác này có đúng là để bù vào số hàng còn thiếu do Công ty kim khí Hưng Yên không giao đủ để đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã đặt ra hay không, về vấn đề này Tòa án cần phải yêu cầu Công ty thép Việt Ý cung cấp tài liệu, chứng cứ (như đơn đặt hàng của bên thứ ba, kế hoạch sản xuất kinh doanh...) để chứng minh thiệt hại thực tế xảy ra, từ đó mới có căn cứ buộc Công ty kim khí Hưng Yên thanh toán số tiền bồi thường thiệt hại cho phù hợp. **[3]** Tòa án cấp sơ thẩm còn tính cả tiền lãi của khoản tiền bồi thường thiệt hại là không đúng với quy định tại Điều 302 Luật thương mại năm 2005.

2. Bình luận Án lệ

Nội dung án lệ là các phần [1]; [2]; [3] tại phần nhận định nêu trên. Nội dung án lệ xác định rằng khi bên có nghĩa vụ chậm thanh toán trong giao dịch thương mại, nếu không có thỏa thuận khác thì phải trả lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương. Đồng thời, bên có nghĩa vụ chậm thanh toán không phải trả lãi đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại.

Án lệ số 09/2016/AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

Án lệ 09 có ý nghĩa lớn trong thực tiễn xét xử thương mại tại Việt Nam bởi:

Án lệ 09 có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và thống nhất cách xác định mức lãi suất nợ quá hạn trong các vụ tranh chấp thương mại, tránh việc áp dụng mức lãi suất không phù hợp hoặc gây tranh cãi. Việc sử dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng phản ánh sát thực tế thị trường tại thời điểm thanh toán, giúp đảm bảo quyền lợi công bằng giữa các bên trong hợp đồng.

Ngoài ra, án lệ cũng làm rõ nguyên tắc không trả lãi trên tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, giữ sự nhất quán với quy định Luật Thương mại 2005, tránh việc tăng thêm gánh nặng tài chính ngoài phạm vi hợp đồng đối với bên vi phạm.

Án lệ này tăng tính dự đoán pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đánh giá rủi ro tài chính khi vi phạm hoặc bị vi phạm hợp đồng.

Tuy vậy, vẫn còn một số khó khăn khi áp dụng Án lệ 09 như sau:

Án lệ yêu cầu lấy “mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương” nhưng không hướng dẫn rõ ngân hàng nào, khoản vay nào, kỳ hạn nào – dẫn tới việc áp dụng còn khác nhau giữa các tòa án.

Thời điểm tính lãi suất được hiểu là “tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm)”, nhưng án lệ không quy định rõ nếu quá trình xét xử kéo dài, có thay đổi ngân hàng, có biến động thị trường thì có cập nhật lãi suất không, điều này dẫn tới nhiều tranh cãi trong việc áp dụng thực tiễn.

Một trong những khó khăn đáng kể trong quá trình áp dụng quy định về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là việc thiếu nguồn thông tin công khai, thống nhất từ các ngân hàng thương mại. Hiện nay, đa số tổ chức tín dụng không công bố công khai mức lãi suất nợ quá hạn trung bình hoặc nếu có thì mỗi ngân hàng áp dụng cách tính và khung thời gian khác nhau, dẫn đến sự chênh lệch đáng kể giữa các nguồn dữ liệu. Điều này khiến việc xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình để làm căn cứ giải tranh chấp hoặc tính toán nghĩa vụ tài chính trở nên khó khăn, thiếu nhất quán.

Án lệ 09 là một dấu mốc quan trọng trong lĩnh vực xét xử tranh chấp thương mại tại Việt Nam, đặc biệt về vấn đề lãi suất chậm thanh toán. Án lệ 09 đã làm rõ: (i) lãi suất chậm thanh toán được tính theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương; (ii) khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng và khoản bồi thường thiệt hại không phát sinh lãi chậm trả. Dù còn một số điểm chưa rõ ràng và cần hoàn thiện (như nguồn dữ liệu lãi suất, thời điểm tính lãi, phạm vi áp dụng chính xác), Án lệ 09 vẫn là một nguồn pháp luật để tham chiếu giúp tăng tính thống nhất trong xét xử các tranh chấp thương mại.

BẢN TIN PHÁP LUẬT THÁNG 12/2025

CÔNG TY LUẬT TNHH QUỐC TẾ TNTP VÀ CÁC CỘNG SỰ

Văn phòng tại Hồ Chí Minh:

Phòng 1901, Tầng 19, Tòa nhà Sài Gòn Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Liên hệ: (+84) 903 503 285 - (+84) 282 220 0911

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

Văn phòng tại Hà Nội:

31 Đường Trần Phú, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Liên hệ: (+84) 931 798 818

Email: ha.nguyen@tntplaw.com.vn

Văn phòng tại Đà Nẵng:

31 Đường Trần Phú, phường Hải Châu, Đà Nẵng

Liên hệ: (+84) 903 503 285

Email: tra.nguyen@tntplaw.com

 /dsdc.com.vn/ & /tntplaw.vn/

 /giaiquyettranhchapvathuhoino/